

Luật số: /2026/QH16



LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 73/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 113/2025/QH15 và Luật số 142/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 1 như sau:

“k) Người hoạt động không chuyên trách *hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước¹ theo quy định của pháp luật về chính quyền địa phương;*”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và không phải là người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, *trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng;*”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với *người làm việc không có quan hệ lao động, người làm việc trên nền tảng số và các đối tượng khác ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có việc làm, thu nhập ổn định, thường xuyên trên cơ sở đề xuất của Chính phủ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.*”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 như sau:

¹ Sử dụng thuật ngữ theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

“a) Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, *trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng*.

Chính phủ quy định đối tượng hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Bảo hiểm hưu trí bổ sung là loại hình bảo hiểm mang tính chất tự nguyện theo nguyên tắc thị trường nhằm bổ sung cho chế độ hưu trí trong bảo hiểm xã hội bắt buộc, có cơ chế tạo lập quỹ từ đóng góp của người sử dụng lao động hoặc của người sử dụng lao động và người lao động *hoặc của người lao động*.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 10 như sau:

“d) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện bảo hiểm xã hội. *Việc thực hiện ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự.*”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động theo quy định của *pháp luật*; phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trong việc trả sổ bảo hiểm xã hội bản giấy cho người lao động.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội *bao* gồm đại diện Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tổ chức đại diện người sử dụng lao động ở trung ương, *các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ.*”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Sổ bảo hiểm xã hội được cấp bằng bản điện tử.

Sổ bảo hiểm xã hội bằng bản giấy được cấp khi người tham gia bảo hiểm xã hội yêu cầu và có giá trị pháp lý như bản điện tử.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 33 như sau:

“7. Trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc trợ cấp tuất hằng tháng thì người lao động hoặc thân nhân của người lao động được đóng tiếp một lần cho số tháng còn thiếu với mức đóng hằng tháng bằng tổng mức đóng của người lao động và người sử dụng lao động trước khi người lao động nghỉ việc hoặc chết vào quỹ hưu

trí và tử tuất. Thời gian đóng tiếp không được tính là thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm *theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động* hoặc thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn *hoặc làm nghề thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt đặc thù trong lực lượng vũ trang.*

Trường hợp người lao động chấm dứt đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc mà thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu trên 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì có quyền đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 34 như sau:

“3. Người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội cho đối tượng theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật này và trường hợp người sử dụng lao động có thỏa thuận với người lao động về việc có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tháng đó với căn cứ đóng bằng căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tháng gần nhất.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 3 Điều 36 như sau:

“e) Tại thời điểm đăng ký phương thức đóng và mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này nhưng sớm nhất là tháng người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 như sau:

“2. Không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn kê khai và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ;”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 39 như sau:

“a) Sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn kê khai và nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ mà người sử dụng lao động không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 46 như sau:

“2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định; trường hợp hai bên có ý kiến khác nhau thì người sử dụng lao động quyết định số ngày nghỉ trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở; trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa có công đoàn cơ sở và trường hợp không tổ chức công đoàn cơ sở theo quy định

thì do người sử dụng lao động quyết định. Thời gian nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe tối đa được quy định như sau:

- a) 10 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do mắc bệnh cần chữa trị dài ngày;
- b) 07 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do phải phẫu thuật;
- c) 05 ngày đối với trường hợp khác.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 60 như sau:

“2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe quy định tại khoản 1 Điều này do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định; trường hợp hai bên có ý kiến khác nhau thì người sử dụng lao động quyết định số ngày nghỉ trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành công đoàn cơ sở; trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa có công đoàn cơ sở và *trường hợp không tổ chức công đoàn cơ sở theo quy định* thì do người sử dụng lao động quyết định. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa được quy định như sau:

- a) 10 ngày đối với lao động nữ sinh một lần từ hai con trở lên;
- b) 07 ngày đối với lao động nữ sinh con phải phẫu thuật;
- c) 05 ngày đối với trường hợp khác.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 68 như sau:

“2. Mức hưởng trợ cấp một lần cho mỗi năm đóng cao hơn quy định tại khoản 1 Điều này bằng 0,5 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này cho mỗi năm đóng cao hơn đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người lao động đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Luật này mà tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội thì mức trợ cấp bằng 02 lần của mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 72 của Luật này cho mỗi năm đóng cao hơn số năm quy định tại khoản 1 Điều này kể từ sau thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đến thời điểm nghỉ hưu *tương ứng với trường hợp nghỉ hưu theo quy định tại Điều 64 hoặc Điều 65 của Luật này.*

Khi tính mức hưởng trợ cấp một lần trong trường hợp có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước và sau thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Luật này mà thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu có tháng lẻ thì những tháng lẻ đó được chuyển sang giai đoạn đóng sau thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu để tính mức hưởng trợ cấp một lần.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 82 như sau:

“Điều 82. Thay đổi hình thức nhận, nơi nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng

Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng có nguyện vọng *được* thay đổi hình thức nhận hoặc thay đổi nơi nhận do chuyển nơi cư trú trong nước.”

17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 93 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thông qua tài khoản người thụ hưởng.”

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”

18. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 94 như sau:

“7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”

19. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 95 như sau:

“3. Chính phủ quy định về nguồn kinh phí thực hiện tại Điều này.”

20. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 110 như sau:

“c) *Thấp nhất* bằng số tiền đã đóng đối với trường hợp người lao động có thời gian đóng chưa đủ 60 tháng.”

21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 114 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thông qua tài khoản người thụ hưởng.”

b) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 115 như sau:

“Điều 115. Trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu ra nước ngoài để định cư; chuyển nơi hưởng lương hưu; tạm dừng, chấm dứt, tiếp tục hưởng lương hưu

1. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đang hưởng lương hưu ra nước ngoài để định cư nếu có nguyện vọng thì được giải quyết hưởng trợ cấp một lần và việc giải quyết hưởng trợ cấp một lần thực hiện như sau:

a) Mức trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu được tính theo thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội trong đó mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội trước

năm 2014 được tính bằng 1,5 tháng lương hưu đang hưởng, mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi được tính bằng 02 tháng lương hưu đang hưởng; sau đó mỗi tháng đã hưởng lương hưu thì mức trợ cấp một lần trừ 0,5 tháng lương hưu. Mức thấp nhất bằng 03 tháng lương hưu đang hưởng;

b) Mức trợ cấp một lần đối với người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 03 tháng trợ cấp đang hưởng;

2. Người đang hưởng lương hưu có nguyện vọng được thay đổi hình thức nhận hoặc thay đổi nơi nhận do chuyển nơi cư trú trong nước.

3. Việc tạm dừng, chấm dứt, tiếp tục hưởng lương hưu được thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật này.”

23. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 122 như sau:

“c) Tiền gửi tại các *ngân hàng, gồm:*

Ngân hàng thương mại nhà nước;

Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ;

Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ, ngân hàng thương mại cổ phần có vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ, có chất lượng tốt, mức độ an toàn cao theo đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng.

Không thực hiện đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;”

24. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 130 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định, hành vi về bảo hiểm xã hội đã được Thủ trưởng cơ quan bảo hiểm xã hội cấp dưới giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.”

25. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 135 như sau:

“6. Quy định cụ thể quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội của bộ, cơ quan ngang bộ để tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này.”

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 138 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong phạm vi địa phương;

b) Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

c) Thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;

đ) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;

b) Xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Trường hợp theo quy định của pháp luật mà trên địa bàn không tổ chức Hội đồng nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội;

d) Kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội;

đ) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 141 như sau:

“11. Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g và i khoản 1 Điều 2 của Luật này đã tham gia bảo hiểm xã hội trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên thì mức lương

hưu hằng tháng thấp nhất bằng mức tham chiếu *tại thời điểm giải quyết hưởng lương hưu.*”

Điều 2. Thay thế một số cụm từ, bãi bỏ các điểm, khoản, điều

1. Thay thế một số cụm từ tại các điểm, khoản, điều như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội” và cụm từ “Bộ trưởng Bộ Y tế” bằng cụm từ: “cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Chính phủ giao” tại điểm b khoản 2 Điều 10, khoản 8 Điều 33, khoản 2 Điều 43, khoản 6 Điều 45, khoản 4 Điều 46, khoản 5 Điều 59, khoản 5 Điều 60, khoản 3 Điều 69, khoản 1 Điều 83, khoản 5 Điều 86, khoản 1 Điều 87, khoản 4 Điều 101, điểm d khoản 2 Điều 119, khoản 5 Điều 141;

b) Thay thế cụm từ “Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành” bằng cụm từ “Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động” tại điểm b khoản 1 Điều 43, điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64;

c) Thay thế cụm từ “Danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành” bằng cụm từ “Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động” tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 65.

2. Bãi bỏ một số khoản, điều như sau:

a) Bãi bỏ khoản 11 Điều 3; khoản 2 Điều 16; khoản 5 Điều 17; khoản 2, khoản 12 và khoản 18 Điều 18; khoản 4 và khoản 5 Điều 76; khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 134;

b) Bãi bỏ Điều 24, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 77, Điều 78, Điều 79, Điều 80, Điều 81, Điều 90, Điều 91, Điều 92, Điều 96, Điều 97, Điều 105, Điều 106, Điều 107, Điều 112, Điều 113, Điều 136 và Điều 137.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thi hành Luật này;

b) Quy định hồ sơ, thủ tục tham gia, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội và hồ sơ, thủ tục hưởng chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; căn cứ mức độ đáp ứng việc khai thác, sử dụng của cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, quy định việc thay thế, cắt giảm thành phần hồ sơ trong các thủ tục hành chính để bảo đảm thuận tiện cho người tham gia và người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

c) Giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định mẫu, trình tự, thẩm quyền cấp giấy tờ có trong hồ sơ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội do các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp và quy định giấy tờ thay thế trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền được Chính phủ giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

